

Bản án số: 43/2023/HS-PT  
Ngày: 26/4/2023

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Quách Tố Giang.

*Các Thẩm phán:* ông Lê Thanh Hoàng, ông Nguyễn Ngọc Tuấn.

- **Thư ký phiên tòa:** ông Ngô Huỳnh Đức – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** bà Phạm Huỳnh Ngọc Thi – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 68/2023/TLPT-HS ngày 16/3/2023, đối với bị cáo A, do có kháng cáo của bị cáo A đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2023/HS-ST ngày 13/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh An Giang.

- **Bị cáo có kháng cáo:**

A, sinh ngày 10/10/1998, nơi sinh: huyện Y, tỉnh An Giang; nơi cư trú: số 181/6, ấp T, xã S, huyện Y, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: mua bán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông B, sinh năm 1973 và bà C, sinh năm 1972; anh, em: có 02 người, bị cáo là người thứ hai;

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/7/2022 đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà T, sinh năm 1998, nơi cư trú: khóm 4, thị trấn I, huyện I, tỉnh An Giang, vắng mặt.

2. Ông H, sinh năm 1980, nơi cư trú: số 337, đường C, khóm 6, phường P, thành phố D, tỉnh An Giang, vắng mặt.

3. Bà E, sinh năm 1989, nơi cư trú: Số 38, đường 9, khóm Đ6, phường M, thành phố X, tỉnh An Giang, vắng mặt.

4. Ông B, sinh năm 1973, nơi cư trú: ấp T, xã S, huyện Y, tỉnh An Giang, vắng mặt.

5. Bà C, sinh năm 1972, nơi cư trú: ấp T, xã S, huyện Y, tỉnh An Giang, vắng mặt.

6. Ông P, sinh năm 1994, nơi cư trú: số 32, cụm dân cư ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, có mặt.

7. Ông G, sinh năm 1992, nơi cư trú: ấp C, xã A, thị xã B, tỉnh An Giang, vắng mặt.

- *Người làm chứng*: bà Đ, sinh năm 1983, vắng mặt.

(Trong vụ án, bị cáo kháng cáo; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có nhu cầu làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để cầm cố, lấy tiền sửa chữa nhà, nên khoảng tháng 6 năm 2021 A kết bạn Zalo với đối tượng sử dụng nick “Ms Thanh” thỏa thuận mua giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả với giá 7.500.000 đồng. Theo thông tin mà A cung cấp “Ms Thanh” làm và giao cho A 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả số CN 887077, diện tích 2310,0 m<sup>2</sup> đứng tên A.

Sau khi nhận được giấy chứng nhận số CN 887077, A tiếp tục sử dụng mạng xã hội Facebook tìm người cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì được Huỳnh Tấn N (không rõ địa chỉ) giới thiệu một người sử dụng nick Zalo tên “Luu Chiến” (không rõ họ tên, địa chỉ) để thỏa thuận cầm cố. Khi A gửi hình giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 887077 “Luu Chiến” phát hiện thông tin phần diện tích trên giấy chứng nhận bị sai, nên yêu cầu A chỉnh lý. Lúc này, A liên hệ với “Ms Thanh” chỉnh lý, thì “Ms Thanh” làm và giao lại cho A 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả số CN 887077 đứng tên A, nhưng không lấy lại giấy chứng nhận giả đã làm trước đó.

Do dịch bệnh Covid-19 không giao dịch được, A tiếp tục liên hệ với N, được N giới thiệu E cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó, A dẫn An chỉ đất và nhà (do ông B và bà C đang quản lý, sử dụng) tại Ấp T, xã S, huyện Y cho E xem và đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho E, thì E đồng ý cầm cố với giá 100.000.000 đồng và yêu cầu A phải làm hợp đồng tặng cho, chuyển nhượng giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CN 887077 cho E, được A đồng ý.

Khoảng 14 giờ ngày 23/6/2021, A cùng An đến Văn phòng Công chứng H

(địa chỉ thị trấn Y, huyện Y) để làm hợp đồng, thì chị T (nhân viên văn phòng Công chứng) kiểm tra Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 887077 do nghi là giấy giả, nên yêu cầu A đến Văn phòng Đăng ký đất đai Chi nhánh huyện Y kiểm tra, đồng thời chị T đến Cơ quan Công an trình báo sự việc. Sau đó, A bị Cơ quan Công an mời làm việc, thì A thừa nhận hành vi sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả như nội dung vụ án.

Ngày 27/7/2022, A bị khởi tố điều tra.

*Bản kết luận giám định số 133/KL-KTHS(MT-GT) ngày 24/9/2021, của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang kết luận:*

- 02 phiôi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, cùng số CN887077, cùng đứng tên A, sinh năm 1998 (ký hiệu A1, A2) là phiôi giấy giả.

- Chữ ký mang tên Võ Hùng Dũng trên 02 tài liệu cần giám định (ký hiệu: A1, A2) so với chữ ký mang tên Võ Hùng Dũng trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu: M2) không phải do cùng một người ký ra.

- Hình dấu tròn có nội dung “SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG” trên 02 tài liệu cần giám định (ký hiệu: A1, A2) so với hình dấu tròn có nội dung trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M3) không phải do cùng một con dấu đóng ra.

*Bản kết luận giám định số 317/KL-KTHS(KTSĐT-GT) ngày 05/11/2022, của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang kết luận:*

- Tìm thấy dữ liệu lưu trữ trong: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung có số IMEI 1: 351591119146895 và số IMEI 2: 351592119146893(ký hiệu A) do Cơ quan điều tra - Công an huyện Y gửi giám định, chi tiết thể hiện trong Phụ lục và đĩa DVD dữ liệu trích xuất kèm theo.

- Kèm theo kết luận giám định: 01 Phụ lục gồm 24 trang A4 và 01 đĩa DVD có tổng dung lượng dữ liệu 1,93 GB.

Cáo trạng số 04/CT-VKSTB.HS ngày 26/12/2022, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Y đã truy tố bị cáo A về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

*Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2023/HS-ST ngày 13/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Y đã quyết định:*

Áp dụng khoản 1 Điều 341, Điều 38, điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Tuyên bố bị cáo A phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Xử phạt bị cáo A 01 (một) năm tù, thời gian tính kể từ ngày chấp hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/01/2023, bị cáo A kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt, được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo A khai nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã tuyên, không kháng cáo kêu oan, chỉ kháng cáo xin hưởng án treo như đề nghị của Viện kiểm sát sơ thẩm. Bị cáo không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới.

*Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm về vụ án và đề xuất với Hội đồng xét xử:*

Về hình thức: đơn kháng cáo của bị cáo có nội dung, yêu cầu rõ ràng, gửi trong hạn luật định nên đủ cơ sở để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo A, áp dụng khoản 1 Điều 341, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo A phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, xử phạt bị cáo 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm, giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện Y, tỉnh An Giang giám sát trong thời gian thử thách.

Bị cáo A không có ý kiến tranh luận.

Ông P không có ý kiến tranh luận.

Nói lời sau cùng, bị cáo A xin được hưởng án treo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: phiên tòa sơ thẩm xét xử và tuyên án vào ngày 13/01/2023, ngày 14/01/2023, bị cáo A kháng cáo. Căn cứ khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo kháng cáo trong hạn luật định nên chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt, nhưng đã có lời khai rõ ràng trong hồ sơ vụ án, không liên quan đến kháng cáo nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo A đã có hành vi sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để thỏa thuận cầm cố với E. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn sơ thẩm, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Cho thấy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2.2] Xét kháng cáo của bị cáo:

Tại đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo A đều thừa nhận hành vi phạm tội, không kháng cáo kêu oan, chỉ kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tuy bị cáo kháng cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ hay tài liệu, chứng cứ mới để xem xét, nhưng Hội đồng xét xử nhận thấy: bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị xử phạt 01 năm tù, có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng. Mặt khác, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả là làm cho mảnh đất cha mẹ bị cáo đang quản lý, sử dụng. Xét thấy không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù thì bị cáo cũng có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên căn cứ điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2023/HS-ST ngày 13/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh An Giang không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo A.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2023/HS-ST ngày 13 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh An Giang.

Áp dụng khoản 1 Điều 341, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Tuyên bố bị cáo A phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Xử phạt bị cáo A 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (26/4/2023).

Giao người được hưởng án treo cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện Y, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình của người được hưởng án treo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người được hưởng án treo.

Trong trường hợp, người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2023/HS-ST ngày 13/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh An Giang không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*(đã giải thích quy định về án treo cho bị cáo A)*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại TP. HCM (1);
- VKSND tỉnh An Giang (2);
- TAND huyện Y (2);
- CQĐT – CA huyện Y (1);
- Chi cục THADS huyện Y (1);
- UBND xã S, huyện Y;
- Bị cáo;
- Sở Tư pháp (1);
- Phòng Hồ sơ CA An Giang;
- Phòng KTNV và THA (1);
- Tòa Hình sự (1);
- Văn phòng (1);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Quách Tô Giang**